

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2026

“Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Bim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Trinh

2. Bà Trần Thị Ái Việt

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Võ Duy Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 24-6-2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23-10-2025 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-6-2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Tr**; sinh ngày 06-02-1990; địa chỉ: Thôn HRL, xã STT, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh T**; sinh ngày 26-9-1988; địa chỉ: Miyazaki-ken Koyu-gun Shintomi-chō Ōaza Nitta 15084-banchi 2 (Nhật Bản).

(chị Tr, anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10-10-2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20-10-2025, đơn trình bày ngày 20-10-2025, bản tự khai ngày 07-12-2025, bản trình bày ý kiến ngày 22-5-2026 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Bùi Thị Tr** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị Tr** và anh **Nguyễn Thanh T** kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã ST, tỉnh Quảng Ngãi), theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 66, do Ủy ban nhân dân xã TH, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã ST tỉnh Quảng

Ngãi) cấp ngày 14-6-2021.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 11-2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau, thiếu sự thông cảm, chia sẻ giữa hai vợ chồng nên dẫn đến mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, không thể hàn gắn lại được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Chị Tr và anh T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Bùi Thị Tr tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và toàn bộ các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

** Tại Đơn trình bày ngày 16-4-2026, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Bùi Thị Tr tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14-6-2021 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện ST (cũ), tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã ST, tỉnh Quảng Ngãi).

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 11-2023 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do hai bên không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn ngày càng kéo dài trầm trọng. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị Bùi Thị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị Tr.

Về con chung: Anh T và chị Tr không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị Tr không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, 68, 208, 469, 474, 475, 476 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 về thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, về xác định tư cách người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ và các thủ tục khác. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T, chị Tr được ly hôn với anh T; về con chung nguyên đơn và bị đơn trình bày không có

nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn và bị đơn trình bày không có nên không xem xét. Về án phí và chi phí tố tụng khác nguyên đơn tự nguyên chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Khi chị Bùi Thị Tr khởi kiện thì anh Nguyễn Thanh T đang cư trú tại Nhật Bản. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Quảng Ngãi thụ lý vụ án ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Bùi Thị Tr, anh Nguyễn Thanh T đều vắng mặt. Tuy nhiên, chị Tr, anh T đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nhanh, sớm hơn thời gian đã ấn định tại Thông báo thụ lý vụ án số 116/TB-TLVA ngày 23-10-2025 và yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã ST, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 14-6-2021 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T là hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Tr và anh T thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 11 năm 2023 vợ chồng chị Tr, anh T bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau, thiếu sự thông cảm, chia sẻ giữa hai vợ chồng nên dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay, chị Tr, anh T đều cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng là không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh T; anh T đồng ý ly hôn chị Tr. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn; chị Bùi Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T đều thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Chị Bùi Thị Tr phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0002090 ngày 05-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; chi phí dịch thuật là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) chị Tr tự nguyện chịu. Chị Tr đã nộp và chi phí xong.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị Tr tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001726 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Tr được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.
2. Về con chung: Chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Tr và anh Nguyễn Thanh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về chi phí tố tụng: Chị Bùi Thị Tr phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0002090 ngày 05-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
Chị Bùi Thị Tr phải chịu chi phí dịch thuật là 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) chị Tr đã nộp và chi phí xong.
5. Về án phí: Chị Bùi Thị Tr tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001726 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.
6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 3 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 3- Quảng Ngãi;
- UBND xã ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Bim